

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *HAO*/GT-HCCB

Tp.HCM, ngày *21* tháng 04 năm 2022.

Về việc giải trình sự biến động lợi
nhuận sau thuế BCTC riêng Công ty mẹ
quý 1 năm 2022 so với cùng kỳ năm
trước

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty: Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam (CSV)
Trụ sở chính: 22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 38296620 - 38225373
Fax: (028) 38239109 - 38243166
Website: www.sochemvn.com
Email: sbcc@sochemvn.com



Căn cứ báo cáo tài chính riêng công ty mẹ quý 1 năm 2022, Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam (mã chứng khoán CSV) xin được giải trình biến động lợi nhuận sau thuế BCTC riêng công ty mẹ quý 1 năm 2022 so với quý 1 năm 2021 như sau:

Loại báo cáo	Lợi nhuận sau thuế		Chênh lệch (1) – (2)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
	Quý 1/2022 (1)	Quý 1/2021 (2)		
Báo cáo tài chính riêng công ty mẹ	61.166.179.594	39.946.781.482	21.219.398.112	53,12%

Nguyên nhân:

STT	Chỉ tiêu	Quý 1/2022	Quý 1/2021	Chênh lệch
(I)	(II)	(III)	(IV)	(V) = (III) – (IV)
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	333.234.589.429	246.748.370.777	86.486.218.652
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu			
3.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	333.234.589.429	246.748.370.777	86.486.218.652
4.	Giá vốn hàng bán	228.451.648.674	167.853.284.083	60.598.364.591
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	104.782.940.755	78.895.086.694	25.887.854.061
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	2.556.234.313	2.349.641.476	206.592.837
7.	Chi phí tài chính	682.224.535	1.892.351.628	-1.210.127.093
8.	Chi phí bán hàng	16.706.887.360	15.996.220.512	710.666.848
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.853.289.077	13.418.549.624	434.739.453
10.	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	76.096.774.096	49.937.606.406	26.159.167.690

STT	Chỉ tiêu	Quý 1/2022	Quý 1/2021	Chênh lệch
(I)	(II)	(III)	(IV)	(V) = (III) – (IV)
11.	Thu nhập khác	393.211.647	24.986.197	368.225.450
12.	Chi phí khác	7.125.000	7.125.000	0
13.	Lợi nhuận khác	386.086.647	17.861.197	368.225.450
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	76.482.860.743	49.955.467.603	26.527.393.314
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16.115.064.325	10.583.100.879	5.531.963.446
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-798.383.176	-574.414.758	-223.968.418
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	61.166.179.594	39.946.781.482	21.219.398.112

Lợi nhuận kế toán trước thuế quý 1/2022 tăng 26.527 triệu đồng (tương ứng tăng 53,10%), và lợi nhuận sau thuế quý 1/2022 tăng 21.219 triệu đồng (tương ứng tăng 53,12%) so với cùng kỳ năm trước do một số nguyên nhân chính:

- Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ quý 1/2022 tăng 86.486 triệu đồng (tỷ lệ tăng 35,05%), nguyên nhân chủ yếu do sản lượng tiêu thụ các sản phẩm chính tăng như: H₂SO₄ tăng 69%; Phèn đơn tăng 14%, H₃PO₄ tăng 15%, và Javel tăng 18%; giá bán bình quân một số sản phẩm chính tăng như: NaOH tăng 74%, HCl tăng 15%, Silicate tăng 39%, H₂SO₄ tăng 137%, và H₃PO₄ tăng 99%.

- Chi phí giá vốn hàng bán tăng 60.598 triệu đồng (tỷ lệ tăng 36,10%), do sản lượng tiêu thụ tăng, chi phí giá thành H₂SO₄ tăng (giá nguyên liệu lưu huỳnh tăng 96%), chi phí giá thành H₃PO₄ tăng (giá nguyên liệu phốt pho tăng 127%), chi phí giá thành sản phẩm gốc xút – clor tăng (giá muối công nghiệp tăng 79%).

- Doanh thu hoạt động tài chính so với cùng kỳ năm trước tăng 207 triệu đồng (tăng 8,79%), do chủ yếu trong kỳ lãi tiền gửi tăng.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 435 triệu đồng (tăng 3,24%).

Trên đây là một số nguyên nhân chính, chủ yếu dẫn đến lợi nhuận sau thuế BCTC riêng công ty mẹ quý 1/2022 tăng so với quý 1/2021.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận

- Như trên
- HĐQT, CBTT
- Lưu VT, Thư ký

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Thanh Bình